

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2020/HS-ST
Ngày 07/8/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bá Th và bà Vũ Thị Lan A.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 07/8/2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2020/TLST-HS, ngày 09/7/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Quang Th**, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn Q, xã H, huyện Q, tỉnh B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Quang T và con bà Nguyễn Thị H; Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án: + Tại bản án số 135 ngày 28/6/2017 của TAND huyện Q, tỉnh B xử phạt Nguyễn Quang Th 15 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999. Th chấp hành xong hình phạt chính và các quyết định khác của bản án vào ngày 07/02/2018.

+ Tại bản án số 147 ngày 18/9/2018 của TAND huyện T, tỉnh B xử phạt Nguyễn Quang Th 20 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Th chấp hành xong hình phạt chính và các quyết định khác của bản án vào ngày 21/11/2019.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân: + Tại bản án số 117 ngày 15/8/2014 của TAND huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xử phạt Nguyễn Quang Th 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999. Th chấp hành xong hình phạt chính và các quyết định khác của bản án vào ngày 15/10/2015.

+ Ngày 04/4/2020, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh B khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/3/2020 trong vụ án khác do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh B khởi tố (có mặt).

2. **Phạm Văn D**, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Thôn Q, xã H, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Văn D và con bà Đỗ Thị Th; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Tại bản án số 147 ngày 18/9/2018 của TAND huyện T, tỉnh B xử phạt Phạm Văn D 16 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. D chấp hành xong hình phạt chính và các quyết định khác của bản án vào ngày 21/7/2019; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 04/4/2020, bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh B khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/3/2020 trong vụ án khác do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh B khởi tố (có mặt).

* Bị hại: Anh Vũ Đăng Ng, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm B, xã M, huyện Th, tỉnh B.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Thạc T, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố H, phường Đình B, thị xã T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Quang Th và Phạm Văn D có thuê chung phòng trọ ở thôn T, phường Đồng Ng, thị xã T, tỉnh B. Khoảng 20 giờ ngày 01/3/2020, tại phòng trọ của mình, Th rủ D đi sang địa bàn huyện T, tỉnh B trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài. D đồng ý. Trước khi đi, Th chuẩn bị 01 tô vít hai cạnh, chuỗi màu vàng, dài khoảng 25cm rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Loncin không gắn biển kiểm soát (là xe của Th) chở D từ thị xã T đi theo hướng chùa Phật T, huyện T ra Quốc lộ 38 rồi đi đến chợ Trung tâm huyện T, tỉnh Bắc N. Đến khoảng 20 giờ 40 phút cùng ngày, khi đi đến quán Game PS của ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1956 ở phố H, thị trấn H, huyện T, tỉnh B thì Th và D phát hiện thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Exciter màu đen bạc, biển kiểm soát 29Y1- 56.44 là xe của anh Vũ Đăng Ng, sinh năm 1995 trú tại xóm B, xã M, huyện T, tỉnh B đang dựng ở trước cửa quán không có ai trông giữ. Thấy vậy, Th điều khiển xe mô tô chở D đi qua vị trí chiếc xe của anh Ng khoảng 10 đến 20m thì dừng xe lại. D ngồi trên xe cạnh giới còn Th cầm tô vít đi đến vị trí chiếc xe mô tô của anh Ng. Th kiểm tra thấy ổ khóa xe là loại 4 cạnh nên không chọc tô vít vào ổ khóa được. Do xe không khóa cổ, khóa càng nên Th dắt chiếc xe trên ra vị trí D đang đứng đợi. Th ngồi lên xe mô tô trộm cắp được, còn D điều khiển xe mô tô của Th dùng chân đẩy phía sau xe trộm cắp đi đến đoạn đường đôi cạnh chợ Trung tâm thị trấn H, huyện T thì dừng lại. Tại đây, Th tự đấu điện rồi nổ máy điều khiển chiếc xe vừa trộm cắp được đi theo đường cũ cùng D về

phòng trọ. Về đến phòng trọ, Th tháo biển kiểm soát của xe mô tô vứt đi (không nhớ vứt ở chỗ nào) và dùng tô vít mở nắp xe ra kiểm tra nhưng bên trong không có tài sản gì. Khoảng 02 ngày sau thì Th và D bán chiếc xe mô tô trộm cắp được cho anh Nguyễn Thạc T, sinh năm 1983, trú tại khu phố H, phường Đình B, thị xã T, tỉnh B được số tiền 4.000.000 đồng và đã cùng nhau tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 31/03/2020, Th và D bị Công an thị xã T, tỉnh B bắt quả tang về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Quá trình làm việc tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Từ Sơn, Th và D đã khai nhận về hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Exciter màu đen bạc, biển kiểm soát 29Y1- 56.44 tại địa phận huyện Th, tỉnh B và bán cho anh Nguyễn Thạc T như nêu trên. Anh T sau khi biết chiếc xe mô tô do Th và D bán cho mình là xe trộm cắp đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã bàn giao toàn bộ hồ sơ và vật chứng của vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T để điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 08/04/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T định giá đối với chiếc xe mô tô YAMAHA Exciter màu đen bạc, biển kiểm soát 29Y1 - 56.44, số khung: 006968, số máy: 006968 là vật chứng của vụ án.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 06/KLĐG - HĐĐ ngày 09/04/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter màu đen bạc, biển kiểm soát số 29Y1 - 56.44, số khung: 006968, số máy: 006968 tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 01/03/2020 có giá trị là 4.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 58/CTr - VKS, ngày 08/7/2020 của VKSND huyện T đã truy tố bị cáo Nguyễn Quang Th về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; Bị cáo Phạm Văn D về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên toà đã phân tích động cơ, mục đích, nhân thân, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã giữ nguyên nội dung như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quang Th và Phạm Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Quang Th từ 24 tháng đến 28 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Phạm Văn D từ 08 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Đối với chiếc xe mô tô YAMAHA Exciter màu đen bạc, biển kiểm soát 29Y1 - 56.44, số khung: 006968, số máy: 006968 là vật chứng của vụ

án. Nhưng xét thấy đây là tài sản của anh Vũ Đăng Ng nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả anh Ng nên không đặt ra xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với anh Vũ Đăng Ng là bị hại trong vụ án đã nhận lại tài sản và anh Ng không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét. Đối với anh Nguyễn Thạc T người đã mua xe ngay tình của các bị cáo nên cần buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh Tuấn số tiền 4.000.000 đồng. Do các bị cáo đều sử dụng chung số tiền này nên cần buộc mỗi bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh T số tiền là 2.000.000 đồng là phù hợp.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhất trí với bản luận tội của VKS và không có ý kiến gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy:

1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay mặc dù bị hại là anh Vũ Đăng Ng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thạc T vắng mặt tại phiên tòa. Nhưng nhận thấy anh Ng, anh T đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu hợp lệ, anh Ng, anh T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng gì đến nội dung vụ án nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Ng, anh T là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Quang Th và Phạm Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ 40 phút ngày 01/3/2020, tại trước cửa quán Game PS ở phố H, thị trấn H, huyện T, tỉnh B, Nguyễn Quang Th và Phạm Văn D đã có hành vi lén nút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter màu đen bạc, BKS 29Y1 - 56.44, số khung: 006968, số máy: 006968 trị giá 4.000.000 đồng của anh Vũ Đăng Ng rồi đem đi bán cho anh Nguyễn Thạc T được số tiền 4.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Do vậy đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Văn Th và phạm Văn D phạm tội “ Trộm cắp tài sản”. Xét hành vi của bị cáo Phạm Văn D đã vi phạm vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Xét hành vi của bị cáo Nguyễn Quang Th thì thấy, mặc dù bị cáo có hành vi trộm cắp tài sản trị giá 4.000.000 đồng, nhưng tại bản án số:

147/2018/HSST, ngày 18/9/2018 của TAND huyện T, tỉnh B đã áp dụng tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” đối với bị cáo. Mặc dù bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính và các quyết định khác của bản án vào ngày 21/11/2019, nhưng tính đến ngày phạm tội mới là ngày 01/3/2020 bị cáo chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng là “Tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự, đúng như tội danh và điều luật mà VKSND huyện T đã truy tố các bị cáo.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tới khách thể của tội phạm là quyền sở hữu tài sản được luật hình sự bảo vệ. Ngoài ra hành vi của các bị cáo làm mất trật tự trị an, gây hoang mang, bức xúc trong quần chúng nhân dân. Chính vì vậy, đối với các bị cáo cần xét xử nghiêm bằng chế tài hình sự mới có tác dụng phòng ngừa chung và giáo dục riêng mỗi bị cáo.

Xét về vai trò, tính chất, mức độ vi phạm của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Bởi vì, các cáo bị cáo đều rủ nhau đi trộm cắp, nhưng không có sự phân công, sắp đặt vai trò của những người tham gia. Trong vụ án này Th là người khởi sự, chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội, người thực hành còn bị cáo D ngồi cảnh giới. Xét thấy, bị cáo Th là người giữ vai trò chính trong vụ án, vì vậy bị cáo Th phải chịu hình phạt nặng hơn bị cáo D.

Xét về nhân thân của các bị cáo thì thấy: Đối với bị cáo Th, tại bản án số 117 ngày 15/8/2014 của TAND huyện Q, tỉnh B đã xử phạt bị cáo 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng về tội “Đánh bạc”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính và các quyết định khác của bản án vào ngày 15/10/2015. Ngày 04/4/2020, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh B khởi tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”; Đối với bị cáo D, ngày 04/4/2020 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh B khởi tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”. Do vậy, đã đủ cơ sở kết luận các bị cáo đều là những người có nhân thân rất xấu và là những người khó giáo dục.

Xét về các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của các bị cáo thì thấy: Đối với cáo Th, do bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng là “Tái phạm nguy hiểm” nên bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Đối với bị cáo D, tại bản án số 147 ngày 18/9/2018 của TAND huyện T, tỉnh B xử phạt bị cáo 16 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính và các quyết định khác của bản án vào ngày 21/7/2019, tính đến ngày phạm tội mới là ngày 01/3/2020 thì bị cáo chưa được xóa án tích. Do vậy, lần phạm tội này của bị cáo bị áp dụng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xét thấy, các bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bản thân các bị cáo nhận thức đầy đủ hành vi trái pháp luật, nhưng chỉ vì lười lao động và để có tiền tiêu xài cá nhân mà các bị cáo đã lao vào con đường phạm tội. Vì vậy, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên các bị cáo sau khi bị Công an thị xã Từ Sơn bắt đã khai ra hành vi mà các bị cáo trộm cắp lần này nên các

bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là tự thú. Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Xét thấy đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo Thuận có ông nội là thương binh hạng A, thương tật loại 4/8 nên bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do vậy khi lượng hình cần được xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Ngoài hình phạt chính các bị cáo Nguyễn Quang Th và Phạm Văn D còn có thể bị áp dụng bổ sung là hình phạt tiền được quy định khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Xét thấy các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Thạc T là người đã mua chiếc xe mô tô do các bị cáo trộm cắp của anh Ng. Tuy nhiên anh T không biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không xem xét xử lý là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Loncin không có biển kiểm soát mà các bị cáo sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp ngày 01/03/2020. Bị cáo Thuận khai là xe của T (mua của người bán đồng nát không quen biết, khi mua xe không có biển kiểm soát), sau đó bị cáo T đã bán chiếc xe trên cho một người thanh niên không quen biết tại đường chùa D, thị xã T, tỉnh B. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không có căn cứ để xác minh nên HĐXX không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Đối với 01 chiếc tô vít bị cáo Th đã sử dụng làm công cụ để trộm cắp xe mô tô. Bị cáo khai lấy ở trong phòng trọ, ngày 31/03/2020 bị cáo mang tô vít đi để trộm cắp tại thị xã T, tỉnh B. Sau đó bị cáo đã vít chiếc tô vít đi (không nhớ vít ở đâu). Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không có căn cứ để truy tìm và không thu giữ được nên HĐXX không có cơ sở xem xét, giải quyết.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Đối với anh Vũ Đăng Ng là bị hại trong vụ án do đã nhận lại tài sản và anh Ng không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không HĐXX không xem xét, giải quyết. Đối với anh Nguyễn Thạc T là người đã mua chiếc xe mô tô của các bị cáo trộm cắp của anh Ng với giá 4.000.000 đồng. Nhận thấy, anh T mua xe của các bị cáo là ngay tình và hiện nay các bị cáo chưa bồi thường cho anh T được đồng nào nên cần buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh T số tiền 4.000.000 đồng. Xét thấy số tiền các bị cáo có được do bán tài sản trộm cắp mà có, các bị cáo sử dụng ăn tiêu chung nên cần buộc mỗi bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh T số tiền là 2.000.000 đồng là phù hợp quy định của pháp luật.

[4]. Về vật chứng của vụ án: Đối với chiếc xe mô tô YAMAHA Exciter màu đen bạc, BKS 29Y1 - 56.44, số khung: 006968, số máy: 006968 là vật chứng của vụ

án. Nhưng xét thấy đây là tài sản của anh Vũ Đăng Ng nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả anh Nguyễn nên HDXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quang Th và Phạm Văn D phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang Th 24 (hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn D 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 587 của Bộ luật dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Quang Th và Phạm Văn D phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Thạc T số tiền 4.000.000 đồng, cụ thể mỗi bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh T số tiền là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Quang Th và Phạm Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST và 300.000đ án phí DSST.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B.
- VKSND huyện T.
- THADS huyện T
(án có hiệu lực pháp luật).
- Bị cáo.
- UBND xã nơi bị cáo cư trú.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Phạm Xuân Hà